SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK XANH PÔN

Số: 2354/BVĐKXP-VTTTB
Về việc báo giá dịch vụ thi công lắp đặt hệ thống đường ống khí, ô khí Oxy, ô khí Hút và ô khí Co2 trung tâm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thi công lắp đặt hệ thống đường ống khí, ô khí Oxy, ô khí Hút và ô khí Co2 trung tâm, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của Đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn.

Địa chỉ: 12 Chu Văn An, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Phòng Vật tư trang thiết bị và bảo dưỡng máy - Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn.

Điện thoại: 0243.734.2368

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại địa chỉ:

Bộ phận văn thư – Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn.

Địa chỉ: 12 Chu Văn An, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ 08h00 ngày 17 tháng 6 năm 2025 đến 17h00 ngày 26 tháng 6 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày phát hành báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị ô khí cố định, vật tư, linh kiện : Phụ lục kèm theo.
2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn (Địa chỉ: 12 Chu Văn An, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội).
3. Thời gian giao hàng dự kiến: 180 ngày

4. Yêu cầu khác :

-Yêu cầu báo giá bao gồm thuế và các chi phí liên quan khác.

-Báo giá: Yêu cầu bản gốc, ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức danh của người đại diện hợp pháp.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Lưu VT, VT-TTB (3).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA XANH PÔN

Trần Liên Hương

PHỤ LỤC: DANH MỤC THIẾT BỊ Ổ KHÍ CỐ ĐỊNH, VẬT TƯ, LINH KIỆN LẮP ĐẶT

(Kèm theo Công văn số 2354/BVĐKXP – VTTTB ngày 17 tháng 6 năm 2025)

1. PHẦN DANH MỤC THIẾT BỊ Ổ KHÍ CỐ ĐỊNH

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Đặc tính, thông số kỹ thuật
1	Ổ khí Oxy	32	**Yêu cầu:** _ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 _ Sử dụng chuyên biệt cho loại khí Oxy. _ Chuẩn cắm BS _ Lõi ổ khí bằng chất liệu đồng, mặt ổ khí và nút nhấn ổ khí bằng chất liệu nhựa hoặc tương đương. _ Có chế độ khóa đầu cắm đực và cấp khí. _ Áp lực làm việc từ: ≥ 4 bar _ Áp lực tối đa: 10 bar _ Lưu lượng: 40 lít/phút
2	Ổ khí hút	10	**Yêu cầu:** _ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 _ Sử dụng chuyên biệt cho loại khí hút. _ Chuẩn cắm BS _ Lõi ổ khí bằng chất liệu đồng, mặt ổ khí và nút nhấn ổ khí bằng chất liệu nhựa hoặc tương đương. _ Có chế độ khóa đầu cắm đực và cấp khí. _ Áp lực làm việc từ: -0,6bar
3	Ổ khí CO2	08	**Yêu cầu:** _ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 _ Sử dụng chuyên biệt cho loại khí CO2. _ Chuẩn cắm BS _ Lõi ổ khí bằng chất liệu đồng, mặt ổ khí và nút nhấn ổ khí bằng chất liệu nhựa hoặc tương đương. _ Có chế độ khóa đầu cắm đực và cấp khí. _ Áp lực làm việc từ: ≥ 4 bar _ Áp lực tối đa: 10 bar _ Lưu lượng: 40 lít/phút

4	Lưu lượng kế oxy kèm bình làm ẩm	30	**Yêu cầu:** _ Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 _ Sử dụng chuyên biệt cho loại khí Oxy _ Thân lưu lượng kế bằng chất liệu nhôm hoặc tương đương _ Phao bằng chất liệu thép không gỉ, có chế độ bảo vệ bệnh nhân trong trường hợp quá mức _ Thang đo lưu lượng hiển thị lưu lượng _ Áp lực làm việc: ≥ 60psi _ Thang đo: 0 - 15 lít/phút **Cấu hình 1 bộ bao gồm:** 01 lưu lượng kế + 01 bình làm ẩm + 01 đầu cắm nhanh chuẩn BS.
5	Bộ hút dịch gắn tường	03	**Yêu cầu:** _ Tiêu chuẩn chất lượng 13485 _ Mức điều chỉnh: 0 - 760mmHg **Cấu hình 1 bộ bao gồm:** _ 01 đầu cắm nhanh chuẩn BS cho khí hút. _ 01 bộ điều chế áp lực hút _ 01 bình đựng dịch ≥ 1500ml _ 01 bộ dây dẫn dịch Silicon
6	Đầu cắm nhanh khí CO2	08	**Yêu cầu:** _ Tiêu chuẩn: ISO 13485 _ Chuẩn cắm BS. _ Chất liệu thép không gỉ

2. PHẦN VẬT TƯ, LINH KIỆN LẮP ĐẶT (Thiết bị thi công và phụ kiện)

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Ống đồng D22	196	Mét	Độ dày: ≥ 1mm
2	Ống đồng D15	55	Mét	Độ dày: ≥ 1mm
3	Ống đồng D12	235	Mét	Độ dày: ≥ 0.8mm
4	Van cách ly D22	04	Cái	
5	Van cách ly D15	06	Cái	
6	Van cách ly D12	08	Cái	

7	Ống thép mạ kẽm D27	08	Mét	
8	Măng xông đồng D22	44	Cái	
9	Măng xông đồng D15	13	Cái	
10	Măng xông đồng D12	51	Cái	
11	Cút đồng 90 độ D22	34	Cái	
12	Cút đồng 90 độ D15	55	Cái	
13	Cút đồng 90 độ D12	73	Cái	
14	Tê đồng D22	14	Cái	
15	Tê đồng D15	21	Cái	
16	Thu đồng D22-15	15	Cái	
17	Thu đồng D15-12	29	Cái	
18	Ghen nhựa 40x100	124	Mét	
19	Giá đỡ ống	75	Bộ	
20	Vật tư phụ	01	Lô/gói	Que hàn, vít nở, keo silicone…….